

**TAND TỈNH HÒA BÌNH
TAND HUYỆN LẠC SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2022/QĐCNTTLH

Lạc Sơn, ngày 05 tháng 09 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN
THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn L;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 08 năm 2022 về việc yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Đ;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 08 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: xóm Đôn, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình - Là Nguyên đơn trong vụ án;

+ Anh Bùi Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: xóm Đôn, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình - Là bị đơn trong vụ án.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 08 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 08 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn L thuận tình ly hôn;

1.2 *Về con chung*: Anh Bùi Văn L và chị Bùi Thị Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Kim L, sinh ngày 21/10/2003. Cháu Bùi Thị Kim Loan đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh L và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 *Về tài sản*: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nhưng đề nghị Tòa án ghi nhận:

Chị Bùi Thị Đ đồng ý để lại toàn bộ tài sản trong thời kỳ hôn nhân cho anh Bùi Văn L (Trừ các tài sản đã được thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 18/8/2022 giữa anh Bùi Văn L và chị Bùi Thị Đ), anh Bùi Văn L có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị Đ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Về phương án trả số tiền chênh lệch: Hai bên thống nhất vào các ngày dưới đây anh Bùi Văn L phải trả số tiền chênh lệch cho chị Bùi Thị Đ:

Vào ngày 05/09/2022, anh Bùi Văn L phải trả cho chị Bùi Thị Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Vào ngày 30/4/2023 anh Bùi Văn L phải trả cho chị Bùi Thị Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

1.4 *Về công nợ*: Không có, chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (Theo đăng ký kết hôn số: 22 ngày 24/7/2003);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-QĐHG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.
- (3) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Luật Hôn nhân và gia đình.
- (4) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận khác của các bên tham gia hòa giải.
- (5) Ghi họ và tên của người khởi kiện/người yêu cầu. Tùy theo độ tuổi mà ghi ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người

được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.